

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LA
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2023.
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh
T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Lò Văn Khết.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Bế Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **88/QĐXXST-HNGĐ** ngày **09** tháng 5 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị LTT, sinh năm 1991.

Trú tại: Bản B, xã TB, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh CVT, sinh năm 1991.

Trú tại: Bản B, xã TB, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Hiện cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTT trình bày:

Chị và anh CVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 24/10/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh CVT không chăm lo xây dựng gia đình và đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Hiện cai

nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Từ đó hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTT xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh CVT.

Về con chung: Có hai con là CTD, sinh ngày 26/6/2009 và CVS, sinh ngày 11/01/2011. Chị xin được nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu anh CVT phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh CVT trình bày:

Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTT và anh CVT. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTT. Nay chị LTT yêu cầu ly hôn anh xin đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có hai con là CTD, sinh ngày 26/6/2009 và CVS, sinh ngày 11/01/2011, do anh đang đi cai nghiện đồng ý để vợ nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị LTT được ly hôn anh CVT.

Con Chung: Giao cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng cháu CTD, sinh ngày 26/6/2009 và CVS, sinh ngày 11/01/2011. Anh CVT không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTT được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh CVT sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, anh CVT đã được cấp tổng đạt các văn bản

tổ tụng có xác nhận của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La và đã triệu tập xét xử hợp lệ có đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn chị LTT có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTT và anh CVT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh CVT không chăm lo xây dựng gia đình và đi vào con đường nghiện ma túy. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTT và anh CVT đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTT yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTT được ly hôn anh CVT.

[3] Về con chung: Có hai con là CTD, sinh ngày 26/6/2009 và CVS, sinh ngày 11/01/2011. Căn cứ vào nguyện vọng của con muốn ở với mẹ, do hiện anh CVT đang đi cai nghiện không thể trực tiếp nuôi con. Cần giao cháu CTD và CVS cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng. Chị LTT không yêu cầu anh CVT phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTT được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị LTT được ly hôn anh CVT.

2. Về con chung: Giao cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng cháu CTD, sinh ngày 26/6/2009 và CVS, sinh ngày 11/01/2011. Anh CVT không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTT được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chị LTT, anh CVT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã TB, huyện Mường La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN MINH TUÂN